

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-6-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Kim Thành

2. Bà Trần Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 177/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lan T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 18, ấp SB, xã P, huyện G, tỉnh T1;

Tạm trú: Tổ 11, khu phố L, phường LH, thị xã Tr, tỉnh T1.

- Bị đơn: Anh Trịnh Công S (Tý), sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 18, ấp SB, xã P, huyện G, tỉnh T1.

Chị T và anh S đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-4-2021 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh S chung sống với nhau từ tháng 12-2013, có qua tìm hiểu trước, hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện không ai ép buộc. Gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới và anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Đông năm 2016. Vàng cưới không còn nên chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi cưới, anh chị sống chung với cha mẹ ruột anh S tại ấp SB, xã P, huyện G, tỉnh T1. Đến khoảng năm 2017, anh chị cất nhà ra sống riêng trên phần đất của cha mẹ chồng. Chị và anh S chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do anh S không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thì bấp bênh. Mọi chi phí sinh hoạt trong nhà đều do chị lo liệu nên chị cảm thấy bị áp lực. Mâu thuẫn chính dẫn đến ly hôn là do anh S đánh chị hai lần. Lần gần đây nhất là khoảng 21 giờ ngày 09-3-2021, sau khi hết giờ làm chị có gọi điện thoại về nhà hỏi anh S có ở nhà không và xin đi chơi với bạn một lúc sẽ về. Đến khoảng 00h ngày 10-3-2021, chị về nhà thì anh S kiểm chuyện gây gổ và đánh chị phải nhập viện. Sau đó, chị về nhà cha mẹ ruột chị ở cho đến nay nên vợ chồng cũng sống ly thân. Sau khi đánh chị vài ngày anh S có năn nỉ chị quay về nhưng chị không thể tiếp tục chung sống người chồng vũ phu được nữa. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không có gặp nhau và cũng không nói chuyện với nhau để giải quyết vấn đề hôn nhân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về nuôi con: Anh chị có 02 người con chung là Trịnh Thị KA, sinh ngày 01-6-2015 và Trịnh PA, sinh ngày 25-7-2017. Thời gian trước, cháu KA ở cùng với chị, còn cháu PA thì ở cùng với anh S nhưng hiện nay cả hai cháu đang sống chung với chị. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung. Chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh S không có tài sản chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14-5-2021 và trong quá trình giải quyết bị đơn anh Trịnh Công S trình bày:

Về hôn nhân, anh thống nhất với lời trình bày của chị T về hôn nhân, quá trình chung sống và mâu thuẫn là đúng. Cả hai vợ chồng đều đi làm, tiền lương của anh nhận qua thẻ ATM, còn thẻ ATM thì do chị T giữ và rút tiền để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình. Anh và chị T chung sống hạnh phúc, ít khi cãi nhau. Chị T thường xuyên đi làm rồi đi chơi về muộn, con cái thì do anh lo. Anh đã nhiều lần khuyên nhưng chị T không thay đổi, tuy nhiên anh vẫn bỏ qua cho chị T hết lần này đến lần khác. Tối ngày 09-3-2021, do chị T đi nhậu về muộn, đến khoảng hơn 02 giờ sáng ngày 10-3-2021 mới về. Anh có la mả mà chị T cãi lại, do không kiềm được sự tức giận nên anh có đánh chị T. Sau đó chị T giận bỏ về nhà cha mẹ vợ ở. Anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Tình cảm anh dành cho chị T vẫn còn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung nên đã nhiều lần năn nỉ chị T quay về nhưng chị T chặn hết số điện thoại nên anh không thể liên lạc được. Nay chị T đã kiên quyết ly hôn nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Vàng cưới không còn nên anh cũng không yêu cầu giải quyết.

Về nuôi con: Có 02 người con chung như chị T trình bày là đúng. Khi vợ chồng còn chung sống, anh chăm sóc cho 02 con do chị T đi làm về muộn. Hiện

chị T đã rước hai cháu về sống chung từ ngày 21-6-2021. Tại phiên tòa, anh thay đổi ý kiến, anh yêu cầu được nuôi cháu KA do cháu có nguyện vọng được ở cùng với anh, còn cháu PA thì còn nhỏ nên anh đồng ý giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh S; Về con chung: Giao chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh PA, sinh ngày 25-7-2017 và giao cho anh S được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Thị KA, sinh ngày 01-6-2015. Ghi nhận chị T và anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Nguyễn Thị Lan T và anh Trịnh Công S là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T là do anh S không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập bấp bênh không phụ giúp kinh tế cho gia đình nên chị cảm thấy bị áp lực và anh S còn đánh chị. Còn anh S thì thừa nhận có đánh chị T, do chị T nhiều lần đi chơi về muộn, mặc dù anh đã khuyên nhiều lần nhưng chị T không khắc phục mà còn cãi lại. Anh và chị T cùng đi làm, tiền lương của anh đều do chị T quản lý và giữ hết, điều này chị T cũng đã thừa nhận nên việc chị T cho rằng anh S không phụ giúp kinh tế, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do chị T lo liệu là không chính xác. Chị T và anh S đã ly thân từ ngày 10-3-2021 cho đến nay. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với anh S và anh S cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T nên Hội đồng xét xử cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh S là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về nuôi con:*

[2.1] Anh chị có 02 người con chung là cháu Trịnh Thị KA, sinh ngày 01-6-2015 và Trịnh PA, sinh ngày 25-7-2017. Lúc chị T về nhà cha mẹ ruột ở thì hai cháu ở với anh S, sau đó chị T rước cháu KA về nuôi. Trong thời gian chị T và anh S sống ly thân, hai cháu có khi về ở với chị T, có khi về ở với anh S. Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng,

giáo dục 02 người con chung nhưng anh S không đồng ý. Tại phiên tòa, anh S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu KA, đồng ý giao cho chị T nuôi dưỡng cháu PA. Cả hai đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.2] Xét yêu cầu của chị T thì thấy: Trong thời gian chị T và anh S còn chung sống, cháu KA và PA đều do anh chị trực tiếp chăm sóc, anh S là người chăm sóc cho hai cháu nhiều hơn do thời gian làm việc của anh S ít hơn, còn chị T thì đi làm từ sáng đến tối mới về nhà. Hiện nay chị T và anh S đều có việc làm và thu nhập ổn định nên cả hai đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hơn nữa, cháu KA và cháu PA hiện nay đều đã trên 36 tháng tuổi nên chị T và anh S đều có quyền yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy cả hai cháu đều là gái nhưng chị T cũng thừa nhận trong thời gian còn chung sống và khi đã ly thân, anh S cũng đã chăm sóc tốt cho hai người con chung và từ ngày chị T và anh S sống ly thân, cả hai cháu vẫn thường xuyên qua lại, được chị T, anh S cùng thay nhau chăm sóc. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cho chị T và anh S mỗi người được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một người con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Giao chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu PA và giao cho anh S được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu KA.

[2.3] Chị T và anh S đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh chị khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Chị T và anh S phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Lan T và anh Trịnh Công S.

2. Về nuôi con: Giao cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trịnh PA, sinh ngày 25-7-2017 và giao cho anh S được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trịnh Thị KA, sinh ngày 01-6-2015. Chị T và anh S đều không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T và anh S đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu số **0012973 ngày 11-5-2021** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Hoàn trả cho chị T số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng từ tạm ứng án phí đã nộp.

Anh S phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã Phước Đông;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯỜNG